VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa

Thông tư số 45/2015/TT-BGTVT ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2023.

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa[1].

Điều 1[2]**.** Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa.

Mã số đăng ký: QCVN 89:2015/BGTVT.

Điều 2[3]**.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

---

[1] Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và các sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa."

[2] Điều 1 của Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2023 quy định như sau:

*"**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa*

Mã số đăng ký: Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT."

[3] Điều 2 của Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2023 quy định như sau:

*"**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2023."*

Điều 3[4]. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 47/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

---

[4] Điều 3 của Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2023 quy định như sau:

*"**Điều 3**. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 89:2015/BGTVT[5]

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, HOÁN CẢI, SỬA CHỮA PHỤC HỒI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

National Technical Regulation

on Inland waterway ship's New building, Conversion, Repair Reconstruction Manufacturers

HÀ NỘI 2015

[5] Quy chuẩn này được sửa đổi, bổ sung bởi Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2023.

Lời nói đầu[6]

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa, mã số QCVN 89: 2015/BGTVT, do Cục Đăng kiểm Việt Nam biên soạn, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 45/2015/TT-BGTVT ngày 03 tháng 9 năm 2015.

[6] Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2023 quy định như sau:

"***Lời nói đầu***

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT về Cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa do Cục Đăng kiểm Việt Nam biên soạn, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT chỉ bao gồm nội dung sửa đổi của QCVN 89:2015/BGTVT, các nội dung không được nêu trong quy chuẩn sửa đổi này thì áp dụng theo QCVN 89:2015/BGTVT"

QCVN 89:2015/BGTVT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, HOÁN CẢI, SỬA CHỮA PHỤC HỒI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

National Technical Regulation
on Inland waterway ship's New building, Conversion, Repair Reconstruction Manufacturers

MỤC LỤC

I QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi điều chỉnh

1.2 Đối tượng áp dụng

1.3 Tài liệu viện dẫn và giải thích từ ngữ

II QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

Chương 1 Quy định chung

1.1 Quy định chung

1.2 Phân loại Cơ sở

Chương 2 Năng lực kỹ thuật của cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa

2.1 Yêu cầu về năng lực kỹ thuật của Cơ sở loại 1

2.2 Yêu cầu về năng lực kỹ thuật của Cơ sở loại 2

2.3 Yêu cầu về năng lực kỹ thuật của Cơ sở loại 3, loại 4

2.4 Yêu cầu về đảm bảo an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường đối với các Cơ sở

III QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

Chương 1 Xác nhận và thông báo năng lực kỹ thuật cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa

1.1 Quy định chung

1.2 Xác nhận cấp mới

1.3 Xác nhận bất thường

1.4 Chuẩn bị cho việc xác nhận năng lực

Chương 2 Thông báo năng lực kỹ thuật Cơ sở

2.1 Thông báo năng lực kỹ thuật Cơ sở

2.2 Danh mục xác nhận năng lực kỹ thuật Cơ sở

2.3 Thời hạn hiệu lực của Thông báo năng lực kỹ thuật Cơ sở

2.4 Hủy xác nhận

IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1.1 Trách nhiệm của Cơ sở

1.2 Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1.3 Trách nhiệm của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam

1.4 Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1.5 Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm

1.6 Kiểm tra thực hiện của Bộ Giao thông vận tải

V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

PHỤ LỤC I: MẪU DANH MỤC XÁC NHẬN NĂNG LỰC KỸ THUẬT CƠ SỞ

PHỤ LỤC II: MẪU THÔNG BÁO NĂNG LỰC KỸ THUẬT CƠ SỞ

QCVN 89:2015/BGTVT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, HOÁN CẢI, SỬA CHỮA PHỤCHỒI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

National Technical Regulation on Inland waterway ship's New building, Conversion, Repair Reconstruction Manufacturers

I QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này (sau đây gọi tắt là "Quy chuẩn") quy định về năng lực kỹ thuật cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa thuộc diện phải đăng kiểm theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa (sau đây gọi tắt là "Cơ sở"), trừ các Cơ sở chỉ đóng các phương tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá.

1.2 Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại 1.1 của phần này.

1.3 Tài liệu viện dẫn và giải thích từ ngữ

1.3.1 Tài liệu viện dẫn

1.3.1.1 Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 24/2015/NĐ-CP);

1.3.1.2 QCVN 65:2013/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá năng lực cơ sở chế tạo và cung cấp dịch vụ tàu biển.

1.3.2 Giải thích từ ngữ

1.3.2.1 Cán bộ, công nhân của Cơ sở là người có hợp đồng lao động với Cơ sở theo Luật Lao động.

1.3.2.2 Đơn vị xác nhận là Sở Giao thông vận tải hoặc là Cục Đăng kiểm Việt Nam.

II QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

CHƯƠNG 1 QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Quy định chung

1.1.1 Phần này đưa ra các quy định về năng lực kỹ thuật Cơ sở nêu tại 1.2 của Chương này.

1.1.2 Cơ sở phải có đủ năng lực kỹ thuật để duy trì chất lượng các sản phẩm.

1.2 Phân loại Cơ sở

1.2.1 Cơ sở loại 1 là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi tất cả các loại phương tiện thủy nội địa.

1.2.2 Cơ sở loại 2 là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi các loại phương tiện chở khách đến dưới 50 người; phương tiện có động cơ với tổng công suất máy chính đến dưới 135 sức ngựa; phương tiện có chiều dài thiết kế từ 20 m trở lên và có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn; các phương tiện chuyên dùng như ụ nổi, bến nổi, thiết bị thi công nổi, tàu cuốc, tàu hút và các loại phương tiện chuyên dùng khác có chiều dài thiết kế nhỏ hơn 10 m (trừ phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, tàu chở công ten nơ, chở xô hóa chất nguy hiểm, chở dầu; tàu khách cao tốc, tàu đệm khí; phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn; phương tiện của người nước ngoài hoặc của doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài tham gia giao thông đường thủy nội địa).

1.2.3 Cơ sở loại 3 là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi các loại phương tiện có chiều dài thiết kế dưới 20 m; phương tiện có động cơ với tổng công suất máy chính dưới 50 sức ngựa; phương tiện có động cơ với tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa và có sức chở đến 12 người (trừ phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, tàu chở công ten nơ, chở xô hóa chất nguy hiểm, chở dầu;

tàu khách cao tốc, tàu đệm khí; phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn; phương tiện của người nước ngoài hoặc của doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài tham gia giao thông đường thủy nội địa).

1.2.4 Cơ sở loại 4 là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi các phương tiện đóng bằng gỗ theo kinh nghiệm cổ truyền từ nhiều thế hệ nhân dân ở từng vùng và đã hoạt động an toàn được đăng kiểm công nhận (phương tiện dân gian) là các phương tiện có chiều dài thiết kế dưới 20 m; phương tiện có động cơ với tổng công suất máy chính dưới 50 sức ngựa; phương tiện chở hàng trọng tải toàn phần dưới 100 tấn; phương tiện có sức chở dưới 12 người (trừ phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, tàu chở công ten nơ, chở xô hóa chất nguy hiểm, chở dầu; tàu khách cao tốc, tàu đệm khí; phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn; phương tiện của người nước ngoài hoặc của doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài tham gia giao thông đường thủy nội địa).

CHƯƠNG 2 NĂNG LỰC KỸ THUẬT CỦA CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, HOÁN CẢI, SỬA CHỮA PHỤC HỒI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

2.1 Yêu cầu về năng lực kỹ thuật của Cơ sở loại 1

2.1.1 Tổ chức bộ máy và nhân lực

Ngoài tổ chức bộ máy theo quy định của pháp luật, phải có bộ phận kỹ thuật và bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm, mỗi bộ phận phải có tối thiểu 01 kỹ sư chuyên ngành đóng tàu thủy và 01 kỹ sư chuyên ngành máy tàu thủy theo yêu cầu tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định số 24/2015/NĐ-CP.

2.1.2 Yêu cầu về cơ sở vật chất và quy trình công nghệ

2.1.2.1[7] Mặt bằng sản xuất

---

[7] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 1 chương 2 phần II của Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2023.

a) Phải có nhà xưởng để gia công chi tiết phục vụ các công đoạn đóng tàu, kho để lưu trữ bảo quản vật tư, trang thiết bị, mặt bằng thi công phải đủ diện tích để bố trí phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện. Tùy theo loại vật liệu đóng tàu, phân xưởng thi công và kho bảo quản vật liệu phải tuân thủ các yêu cầu tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

b) Phải có triền đà, ụ hoặc biện pháp tương đương để bố trí phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi và phải đủ năng lực để đưa phương tiện lên, xuống nước theo cỡ loại phương tiện dự kiến thi công.

2.1.2.2 Năng lực về giao thông nội bộ

Phải đảm bảo giao thông nội bộ thuận tiện để tiếp nhận, vận chuyển vật tư, trang thiết bị cũng như để liên kết các bộ phận sản xuất.

2.1.2.3 Có khả năng cung ứng về vật liệu, trang thiết bị trong quá trình sản xuất.

2.1.2.4 Tài liệu kỹ thuật và quy trình công nghệ

a) Phải có các quy trình công nghệ đóng tàu theo vật liệu, kích cỡ phương tiện mà cơ sở dự định thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng phương tiện.

b) Phải có đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa mà cơ sở đã và dự định thi công.

2.1.2.5 Quy trình, thiết bị kiểm tra chất lượng

a) Quy trình kiểm tra chất lượng

Phải có các quy trình kiểm tra chất lượng về gia công chế tạo chi tiết lắp ráp, thử để kiểm tra chất lượng sản phẩm và nghiệm thu các sản phẩm trong quá trình đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa.

b) Trang bị dụng cụ kiểm tra chất lượng

Phải có đầy đủ các dụng cụ cần thiết để phục vụ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm (các loại thước đo, đồng hồ đo...).

c) Các nhà cung cấp dịch vụ kiểm tra chất lượng

Nếu cơ sở không đáp ứng được các yêu cầu quy định tại điểm a và điểm b mục 2.1.2.5, phải có các cơ sở cung cấp các dịch vụ kiểm tra chất lượng thông qua các nhà thầu phụ để kiểm tra máy móc, vật liệu cũng như nghiệm thu các hạng mục trong thi công.

2.1.3 Yêu cầu về năng lực thi công

2.1.3.1 Thi công phần thân tàu, trang thiết bị

a) Phải có sàn phóng dạng hoặc phương pháp phóng dạng tương đương để triển khai đóng theo thiết kế.

b) Có các máy móc trang thiết bị phục vụ gia công, lắp ráp các bộ phận kết cấu thân tàu.

c) Có công nhân được đào tạo theo quy định để thực hiện các công đoạn chế tạo, gia công chi tiết và lắp ráp vỏ tàu phù hợp loại vật liệu đóng tàu và các quy định trong quy chuẩn.

d) Có thợ hàn được công nhận theo quy chuẩn kỹ thuật để thực hiện công việc hàn tàu (đối với tàu đóng bằng vật liệu kim loại và vật liệu khác có liên kết bằng phương pháp hàn).

đ) Phải có quy trình hàn đối với cơ sở đóng tàu bằng vật liệu kim loại và vật liệu khác có liên kết bằng phương pháp hàn.

2.1.3.2 Thi công phần máy, điện tàu

a) Có khả năng gia công chế tạo các chi tiết cơ khí phục vụ cho việc lắp đặt các máy chính, máy phụ, hệ thống đường ống, hệ thống điện trên tàu.

b) Có khả năng sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt máy chính, máy phụ, các hệ thống đường ống, hệ thống điện trên tàu.

c) Có công nhân được đào tạo theo quy định để thực hiện gia công chế tạo các chi tiết cơ khí, sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy chính, máy phụ, các hệ thống đường ống, hệ thống điện trong quá trình đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện.

2.1.4 Trong trường hợp Cơ sở không đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu nêu tại mục 2.1.2 và mục 2.1.3 thì phải có các nhà thầu phụ cung cấp các dịch vụ mà Cơ sở còn thiếu để đảm bảo quá trình sản xuất.

2.2 Yêu cầu về năng lực kỹ thuật của Cơ sở loại 2

2.2.1 Tổ chức bộ máy và nhân lực

Ngoài tổ chức bộ máy theo quy định của pháp luật, phải có bộ phận kỹ thuật và bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm, mỗi bộ phận phải có tối thiểu 01 cán bộ có

trình độ trung cấp chuyên ngành đóng tàu thủy hoặc cao đẳng nghề chuyên ngành đóng tàu thủy và 01 cán bộ có trình độ trung cấp chuyên ngành máy tàu thủy hoặc cao đẳng nghề chuyên ngành máy tàu thủy theo yêu cầu tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 24/2015/NĐ-CP.

2.2.2 Yêu cầu về cơ sở vật chất và quy trình công nghệ

Cơ sở loại 2 phải đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất và quy trình công nghệ như đối với Cơ sở loại 1, trừ yêu cầu về quy trình công nghệ quy định tại điểm a mục 2.1.2.4 Chương này.

2.2.3 Yêu cầu về năng lực thi công

Cơ sở loại 2 phải đáp ứng các yêu cầu về năng lực thi công như đối với Cơ sở loại 1, trừ các yêu cầu quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ mục 2.1.3.1 điểm c mục 2.1.3.2 Chương này.

2.3 Yêu cầu về năng lực kỹ thuật của Cơ sở loại 3, loại 4

2.3.1 Tổ chức bộ máy và nhân lực

Ngoài tổ chức bộ máy theo quy định của pháp luật, Cơ sở loại 3 phải có tối thiểu 01 công nhân chuyên ngành đóng tàu thủy, Cơ sở loại 4 phải có tối thiểu 01 thợ lành nghề theo yêu cầu tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 6 Nghị định số 24/2015/NĐ-CP.

2.3.2 Yêu cầu về cơ sở vật chất

Cơ sở loại 3, loại 4 phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại mục 2.1.2.1, 2.1.2.2, 2.1.2.3, điểm b mục 2.1.2.4 Chương này. Trong trường hợp Cơ sở không đáp ứng được đầy đủ các điều kiện nêu trên, phải có các nhà thầu phụ cung cấp các dịch vụ mà Cơ sở còn thiếu để đảm bảo quá trình sản xuất.

2.4[8] ***(được bãi bỏ)***

---

[8] Mục này được bãi bỏ theo quy định tại mục 2 chương 2 phần II của Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2023.

III QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

CHƯƠNG 1 XÁC NHẬN VÀ THÔNG BÁO NĂNG LỰC KỸ THUẬT CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, HOÁN CẢI, SỬA CHỮA PHỤC HỒI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

1.1 Quy định chung

1.1.1 Cơ sở phải được xác nhận và thông báo về năng lực kỹ thuật Cơ sở theo các yêu cầu của Quy chuẩn này.

1.1.2 Việc xác nhận và thông báo phù hợp Quy chuẩn này nhằm mục đích xác nhận rằng Cơ sở có đủ năng lực kỹ thuật để duy trì chất lượng các sản phẩm của mình phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn.

1.1.3 Việc xác nhận và thông báo theo yêu cầu Quy chuẩn này chỉ thực hiện đối với các Cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa nêu tại điều 1.2 Chương 1 phần II của Quy chuẩn này.

1.1.4 Cơ sở dự định thực hiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi cỡ loại phương tiện nào sẽ được xác nhận đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi cỡ loại phương tiện đó.

1.1.5 Cơ sở được xác nhận và thông báo đủ năng lực thực hiện ở hạng mục nào sẽ được thực hiện hạng mục đó.

1.1.6 Tùy thuộc vào đặc thù hoạt động của từng cơ sở có thể miễn giảm một số yêu cầu theo quy định của Quy chuẩn này hoặc có các biện pháp thay thế tương đương được chấp thuận.

1.1.7 Đối với các cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi tàu biển đã được cấp giấy chứng nhận năng lực cơ sở chế tạo (còn hiệu lực) theo QCVN 65:2013/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá năng lực cơ sở chế tạo và cung cấp dịch vụ tàu biển sẽ được xác nhận và thông báo năng lực kỹ thuật cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa nếu cơ sở đó thỏa mãn quy định tại Điều 6 Nghị định số 24/2015/NĐ-CP.

1.1.8 Việc xác nhận và thông báo bao gồm: xác nhận cấp mới và xác nhận bất thường.

1.2 Xác nhận cấp mới

Xác nhận cấp mới được thực hiện khi lần đầu xác nhận Cơ sở hoặc xác nhận lại các Cơ sở khi Thông báo năng lực kỹ thuật Cơ sở hiện có của Cơ sở hết hiệu lực.

1.2.1 Hồ sơ tài liệu

Cơ sở phải chuẩn bị các tài liệu dưới đây làm cơ sở xác nhận:

1.2.1.1 Bản thuyết minh về Cơ sở, trong đó nêu rõ các thông tin về: quá trình hình thành và phát triển của Cơ sở, số lượng và trình độ nhân viên, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm chính;

1.2.1.2 Danh mục các tài liệu tiêu chuẩn;

1.2.1.3 Mô tả cơ sở vật chất cần thiết liên quan đến sản xuất (sơ đồ cơ sở sản xuất, văn phòng làm việc, nhà xưởng, nhà kho, các trang thiết bị sản xuất, các thiết bị đo và kiểm tra, danh sách các nhà thầu phụ và công việc dự kiến do nhà thầu phụ thực hiện và các công việc tương tự khác liên quan đến sản xuất);

1.2.1.4 Bộ phận kỹ thuật và bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm bao gồm danh sách các cán bộ kỹ thuật, cán bộ chất lượng bao gồm bằng cấp, chứng chỉ liên quan;

1.2.1.5 Tài liệu về bảo đảm an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường;

1.2.1.6 Các tài liệu cần thiết khác liên quan đến việc sản xuất của Cơ sở.

1.2.2 Kiểm tra hiện trường

1.2.2.1 Cơ sở phải được kiểm tra thực tế để xác nhận sự phù hợp giữa hồ sơ tài liệu và thực tế tại Cơ sở và xác nhận phù hợp các yêu cầu của Quy chuẩn này.

1.2.2.2 Xác nhận năng lực kỹ thuật Cơ sở theo Danh mục xác nhận năng lực kỹ thuật cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa theo Phụ lục I của Quy chuẩn này.

1.2.3 Đối với các Cơ sở đã được xác nhận và thông báo năng lực kỹ thuật Cơ sở trong thời gian không quá 1 tháng trước ngày hết hạn của Thông báo năng lực kỹ thuật Cơ sở, Cơ sở đề nghị cấp lại Thông báo năng lực kỹ thuật Cơ sở.

1.3 Xác nhận bất thường

1.3.1 Xác nhận bất thường được thực hiện đối với Cơ sở khi Cơ sở này có yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung các hạng mục đã được xác nhận tại thời điểm không trùng với đợt xác nhận cấp mới.

1.3.2 Trong quá trình giám sát kỹ thuật các phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi tại Cơ sở, nếu đơn vị giám sát thấy có vi phạm về chất lượng một cách có hệ thống nhưng đã không được khắc phục thì đơn vị giám sát sẽ yêu cầu xác nhận bất thường.

1.3.3 Tại đợt xác nhận bất thường, đơn vị xác nhận sẽ xác nhận các hạng mục liên quan đến đợt đánh giá đó ở tình trạng thỏa mãn quy định của Quy chuẩn.

1.4 Chuẩn bị cho việc xác nhận năng lực

1.4.1 Cơ sở chịu trách nhiệm chuẩn bị các hồ sơ tài liệu cần thiết cho việc xác nhận nêu ở 1.2 và 1.3 của Chương này. Đại diện ban lãnh đạo và các nhân viên liên quan phải có mặt trong quá trình xác nhận tại Cơ sở.

1.4.2 Nếu các công việc chuẩn bị cần thiết không được thực hiện đầy đủ hoặc các đại diện nêu ở 1.4.1 của Cơ sở không có mặt trong quá trình xác nhận, đơn vị xác nhận có thể từ chối việc xác nhận.

1.4.3 Đơn vị xác nhận sẽ thông báo cho lãnh đạo của Cơ sở các vấn đề không phù hợp đòi hỏi phải có hành động khắc phục được phát hiện trong quá trình xác nhận. Lãnh đạo Cơ sở chịu trách nhiệm thực hiện hành động khắc phục đối với vấn đề không phù hợp do đơn vị xác nhận đưa ra theo đúng thời hạn quy định.

CHƯƠNG 2 THÔNG BÁO NĂNG LỰC KỸ THUẬT CƠ SỞ

2.1 Thông báo năng lực kỹ thuật Cơ sở

Thông báo năng lực kỹ thuật Cơ sở (theo Phụ lục II: Mẫu Thông báo năng lực kỹ thuật Cơ sở) sẽ được cấp cho Cơ sở được xác nhận có kết quả thỏa mãn các quy định của Quy chuẩn này.

2.2 Danh mục xác nhận năng lực kỹ thuật Cơ sở

Danh mục xác nhận năng lực kỹ thuật Cơ sở cùng với Danh mục các hạng mục yêu cầu cần khắc phục sau khi xác nhận Cơ sở sẽ được cấp cho Cơ sở (theo Phụ lục I: Mẫu Danh mục xác nhận năng lực kỹ thuật Cơ sở).

2.3 Thời hạn hiệu lực của Thông báo năng lực kỹ thuật Cơ sở

Thời hạn hiệu lực của Thông báo năng lực kỹ thuật Cơ sở là 5 năm được ghi rõ trong Thông báo năng lực kỹ thuật Cơ sở khi cấp mới.

2.4 Hủy xác nhận

2.4.1 Đơn vị xác nhận có thể hủy bỏ việc xác nhận nếu cơ sở vi phạm một trong các mục dưới đây.

2.4.1.1 Chất lượng của sản phẩm không đúng quy định.

2.4.1.2 Các đợt đánh giá quy định tại 1.2 và 1.3 Chương 1 Phần này không được thực hiện theo đúng quy định.

2.4.1.3 Cơ sở đề nghị hủy bỏ việc áp dụng Quy chuẩn.

2.4.2 Việc hủy xác nhận nêu tại 2.4.1 của Quy chuẩn này sẽ được đơn vị xác nhận thông báo bằng văn bản tới Cơ sở.

IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1.1 Trách nhiệm của các Cơ sở

1.1.1 Phải nắm được các quy định về pháp luật liên quan đến lĩnh vực đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa.

1.1.2 Thực hiện đầy đủ các quy định liên quan nêu trong Quy chuẩn này. Chịu trách nhiệm về chất lượng của các phương tiện thi công tại Cơ sở.

1.1.3 Chịu sự kiểm tra, xác nhận của các cơ quan quản lý theo quy định.

1.1.4 Cung cấp đầy đủ các hồ sơ tài liệu theo yêu cầu và trình đơn vị xác nhận theo quy định.

1.1.5 Cơ sở loại 3, loại 4 tự công bố năng lực kỹ thuật Cơ sở của mình.

1.1.6[9] Tuân thủ quy định về việc sử dụng đất, quy định về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

---

[9] Mục này được bổ sung theo quy định tại mục 1 phần IV của Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2023

1.2 Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1.2.1 Hướng dẫn thực hiện các quy định của Quy chuẩn này đối với các Cơ sở; các chủ tàu; các đơn vị đăng kiểm trong phạm vi cả nước và các cá nhân có liên quan.

1.2.2 Tổ chức in ấn, phổ biến, tuyên truyền cho các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện Quy chuẩn này.

1.2.3 Tổ chức thực hiện xác nhận và thông báo năng lực kỹ thuật đối với các Cơ sở loại 1 phù hợp với các quy định của Quy chuẩn này.

1.2.4 Căn cứ yêu cầu thực tế, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm đề nghị Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này khi cần thiết.

1.3 Trách nhiệm của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam

Tổ chức thanh tra, kiểm tra đối với Cơ sở về những yêu cầu liên quan đến các quy định về đường thủy nội địa.

1.4 Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

Tổ chức thực hiện xác nhận và thông báo năng lực kỹ thuật đối với các Cơ sở loại 2 phù hợp với các quy định của Quy chuẩn này.

1.5 Trách nhiệm của các đơn vị đăng kiểm

1.5.1 Thực hiện việc xác nhận năng lực kỹ thuật của các Cơ sở khi được Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đăng kiểm Việt Nam giao nhiệm vụ.

1.5.2 Thực hiện việc xác nhận năng lực kỹ thuật của Cơ sở loại 3, loại 4 khi tiến hành giám sát phương tiện tại cơ sở.

1.5.3 Hướng dẫn Cơ sở khắc phục các khiếm khuyết sau khi thực hiện việc xác nhận năng lực kỹ thuật Cơ sở.

1.6 Kiểm tra thực hiện của Bộ Giao thông vận tải

Bộ Giao thông vận tải (Vụ Khoa học - Công nghệ) có trách nhiệm định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc tuân thủ Quy chuẩn này của các cơ quan, đơn vị có hoạt động liên quan.

V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1.1 Trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Quy chuẩn này với quy định của tiêu chuẩn, Quy chuẩn khác thì áp dụng các quy định mới.

1.2 Khi các văn bản, tài liệu được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định trong văn bản mới.

1.3 Các Cơ sở thành lập mới sau ngày Quy chuẩn này có hiệu lực phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Quy chuẩn này.

1.4 Các Cơ sở hiện hành phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Quy chuẩn này trước ngày 01 tháng 5 năm 2020.

QCVN 89:2015/BGTVT

PHỤ LỤC I: MẪU DANH MỤC XÁC NHẬN NĂNG LỰC KỸ THUẬT CƠ SỞ [10]

TÊN ĐƠN VỊ THÔNG BÁO

DANH MỤC XÁC NHẬN NĂNG LỰC KỸ THUẬT CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, HOÁN CẢI, SỬA CHỮA PHỤC HỒI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Số

Tên và địa chỉ Cơ sở	Phương tiện thuộc phạm vi xác nhận

Loại xác nhận	☐ Xác nhận cấp mới	☐ Xác nhận bất thường

Số và ngày cấp Thông báo xác nhận năng lực Cơ sở	

Danh mục xác nhận		Kết quả			Nhận xét
TT	Yêu cầu	Có	Không	Không áp dụng	
1	**Mặt bằng sản xuất**				
1.1	Có đủ nhà xưởng, các phương tiện sản xuất thích hợp cần thiết để đảm bảo chất lượng yêu cầu đối với sản phẩm?				
1.2	Có triền đà, ụ hoặc biện pháp tương đương để bố trí phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi?				

[10] Mẫu Phụ lục này được sửa đổi theo quy định tại Phụ lục A của Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2023.

QCVN 89:2015/BGTVT

Danh mục xác nhận		Kết quả			Nhận xét
TT	Yêu cầu	Có	Không	Không áp dụng	
1.3	Có đủ năng lực để đưa phương tiện lên, xuống nước theo cỡ loại phương tiện dự kiến thi công?				
2	**Năng lực về giao thông nội bộ**				
2.1	Có đảm bảo giao thông nội bộ thuận tiện để tiếp nhận, vận chuyển vật tư, trang thiết bị cũng như để liên kết các bộ phận sản xuất?				
3	**Có khả năng cung ứng về vật liệu, trang thiết bị trong quá trình sản xuất?**				
4	**Tài liệu kỹ thuật và quy trình công nghệ**				
4.1	Có các quy trình công nghệ đóng tàu?				
4.2	Có đầy đủ các tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa mà Cơ sở đã và dự định thi công?				
5	**Quy trình, thiết bị kiểm tra chất lượng**				
5.1	Có quy trình kiểm tra chất lượng về gia công chế tạo chi tiết lắp ráp, thử để kiểm tra chất lượng sản phẩm và nghiệm thu các sản phẩm trong quá trình đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa?				
5.2	Có đầy đủ các dụng cụ cần thiết để phục vụ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm?				
5.3	Có cơ sở cung cấp các dịch vụ kiểm tra chất lượng thông qua các nhà thầu phụ để kiểm tra máy móc, vật liệu cũng như nghiệm thu các hạng mục trong thi công trong trường hợp không có quy trình và thiết bị kiểm tra nêu ở 5.1 và 5.2 ở trên?				

QCVN 89:2015/BGTVT

Danh mục xác nhận		Kết quả			Nhận xét
TT	Yêu cầu	Có	Không	Không áp dụng	
6	**Năng lực thi công**				
6.1	**Thi công phần thân tàu, trang thiết bị**				
6.1.1	Có sàn phóng dạng hoặc phương pháp phóng dạng tương đương để triển khai đóng theo thiết kế?				
6.1.2	Có các máy móc trang thiết bị phục vụ gia công, lắp ráp các bộ phận kết cấu thân tàu?				
6.1.3	Có công nhân được đào tạo theo quy định để thực hiện các công đoạn chế tạo, gia công chi tiết và lắp ráp vỏ tàu phù hợp loại vật liệu đóng tàu và các quy định trong quy chuẩn?				
6.1.4	Có thợ hàn được công nhận theo Quy chuẩn kỹ thuật để thực hiện công việc hàn tàu (đối với tàu đóng bằng vật liệu kim loại và vật liệu khác có liên kết bằng phương pháp hàn)?				
6.1.5	Phải có quy trình hàn đối với Cơ sở đóng tàu bằng vật liệu kim loại và vật liệu khác có liên kết bằng phương pháp hàn?				
6.2	**Thi công phần máy, điện tàu**				
6.2.1	Có khả năng gia công chế tạo các chi tiết cơ khí phục vụ cho việc lắp đặt các máy chính, máy phụ, hệ thống đường ống, hệ thống điện trên tàu?				
6.2.2	Có khả năng sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt máy chính, máy phụ, các hệ thống đường ống, hệ thống điện trên tàu?				
6.2.3	Có công nhân được đào tạo theo quy định để thực hiện gia công chế tạo các chi tiết cơ khí, sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy chính, máy phụ, các hệ thống đường ống, hệ thống điện trong quá trình đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện?				

QCVN 89:2015/BGTVT

Danh mục xác nhận		Kết quả			Nhận xét
TT	Yêu cầu	Có	Không	Không áp dụng	
6.2.4	Có các nhà thầu phụ cung cấp các dịch vụ mà Cơ sở còn thiếu để đảm bảo quá trình sản xuất trong trường hợp cơ sở không đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu nêu ở từ mục 1 đến mục 6 ở trên?				

Danh mục các hạng mục yêu cầu cần khắc phục sau khi xác nhận	
TT	**Các hạng mục yêu cầu**

Đánh giá chung

, ngày tháng năm

Đại diện Cơ sở	**Đăng kiểm viên**	**Đơn vị xác nhận hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ xác nhận**
(Ký ghi rõ họ tên)	(Ký ghi rõ họ tên)	

QCVN 89:2015/BGTVT

PHỤ LỤC II: MẪU THÔNG BÁO NĂNG LỰC KỸ THUẬT CƠ SỞ

TÊN ĐƠN VỊ XÁC NHẬN

THÔNG BÁO NĂNG LỰC KỸ THUẬT CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, HOÁN CẢI, SỬA CHỮA PHỤC HỒI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Số:.....

TÊN ĐƠN VỊ XÁC NHẬN THÔNG BÁO:

Cơ sở:

Địa chỉ:

Đã được xác nhận đủ năng lực kỹ thuật là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa loại phù hợp với QCVN 89:2015/BGTVT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về năng lực kỹ thuật cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa".

Thời hạn xác nhận lần tiếp theo:

…….. Ngày tháng năm

ĐƠN VỊ XÁC NHẬN

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng